

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 912/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đặng Văn Ân

2- Ông Lại Hữu Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 850/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-08-2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 721/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19-09-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm: 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: D17/28 Tổ E, ấp U, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Châu Phước L**, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: D17/28 Tổ E, ấp U, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 03 năm 2024, bản tự khai ngày 11/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị V trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị V và ông Châu Phước L tự nguyện quen biết nhau, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn năm 2011 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, Quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 10 năm 2011). Đến năm 2016 thì cuộc sống chung giữa hai vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình, quan điểm của hai vợ chồng không còn hoà hợp, ông L không quan tâm tới gia đình vợ con, thường có lời lẽ xúc phạm đến vợ, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, nên bà Nguyễn Thị V yêu cầu được ly hôn với ông Châu Phước L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Châu Phước L chung sống với nhau có 02 (hai) con chung tên là Châu Bảo N, sinh ngày: 28/08/2012, giới tính: Nữ và Châu Gia B, sinh ngày: 02/08/2021, giới tính: Nam. Hiện tại các con đang sống chung với bà V. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 trẻ Châu Bảo N và Châu Gia B, bà V không yêu cầu ông Châu Phước L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị V yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung khác: Bà Nguyễn Thị V xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị V vắng mặt và có nộp đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bà V.

Bị đơn - ông Châu Phước L đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt tại nơi cư trú nhà số D17/28 Tổ E, ấp U, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án,

Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Châu Phước L vắng mặt không lý do.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Châu Bảo N trình bày ngày 11 tháng 6 năm 2024 như sau:

Ông Châu Phước L là cha và bà Nguyễn Thị V là mẹ của trẻ Châu Bảo N. Hiện tại trẻ Châu Bảo N đang sống chung với mẹ và em trai tên là Châu Gia B. Trẻ Châu Bảo N đang học lớp 6/2, trường trung học cơ sở Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên vọng của trẻ Châu Bảo N là được sống chung với mẹ và em trai tên là Châu Gia B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V nộp đơn khởi

kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ly hôn với ông Châu Phước L. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo xác nhận thông tin về cư trú của công an xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: “Ông Châu Phước L, sinh ngày: 27/05/1987, số định danh cá nhân: 079087010893, nơi ở hiện tại: số nhà D17/28 Tổ E, ấp U, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ...”. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Nguyễn Thị V vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà V. Bị đơn – ông Châu Phước L vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định là vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Châu Phước L; Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Châu Bảo N, sinh ngày: 28/08/2012, giới tính: Nữ và Châu Gia B, sinh ngày: 02/08/2021, giới tính: Nam, hiện đang sống chung với bà V. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 trẻ Châu Bảo N và Châu Gia B, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: nguyên đơn xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn - ông Châu Phước L vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản nêu ý kiến cũng như đến Tòa án trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

[6] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với ông Châu Phước L. Bà Nguyễn Thị V chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, Quyền số 01/2011 cấp ngày 27 tháng 10 năm 2011. Do đó, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và không có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9]] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận có 02 (hai) con chung tên là Châu Bảo N, sinh ngày: 28/08/2012, giới tính: Nữ và Châu Gia B, sinh ngày: 02/08/2021, giới tính: Nam. Theo ý kiến của trẻ Châu Bảo N có nêu: Trẻ đang sống cùng với nguyên đơn, trẻ Châu Bảo N đang đi học lớp 6/2, trường trung học cơ sở Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyện vọng của trẻ Châu Bảo N là được sống chung với mẹ và em trai tên là Châu Gia B. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Châu Bảo N là phù hợp tình hình trẻ đang sinh sống. Do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Châu Bảo N và Châu Gia B, không ai có quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[10] Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V và ông Châu Phước L chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy Chứng nhận kết hôn số: 117/2012, Quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2011 cho ông Châu Phước L và bà Nguyễn Thị V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung

1. Châu Bảo N, sinh ngày: 28/08/2012, giới tính: Nữ.

2. Châu Gia B, sinh ngày: 02/08/2021, giới tính: Nam.

Bà Nguyễn Thị V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 trẻ Châu Bảo N và Châu Gia B.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Châu Phước L.

Ông Châu Phước L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị V yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị V xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033870 ngày 22 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thành phố Hồ Chí Minh (1);

- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).



Ôn Kim Chi